

THÍCH ỨNG XÃ HỘI CỦA NGƯỜI DÂN ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA (QUA THỰC TIỄN TỈNH BẮC NINH)

★ PGS, TS ĐẶNG THỊ ÁNH TUYẾT

★ ThS VÕ THỊ HUẾ

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

★ TS NGUYỄN HỮU HOÀNG

Học viện Chính trị khu vực II

- **Tóm tắt:** Trong quá trình chuyển đổi số, nhận thức và thái độ của người dân về các chủ trương của Đảng về chuyển đổi số đóng vai trò quyết định trong việc thích ứng hiệu quả. Dựa trên điều tra khảo sát 364 người dân tỉnh Bắc Ninh về mức độ hiểu biết và quan điểm của người dân về chuyển đổi số, cho thấy nhận thức của người dân về công nghệ số còn nhiều hạn chế. Do đó, việc đẩy mạnh truyền thông, nâng cao năng lực số và hỗ trợ nhóm yếu thế cần được xem là ưu tiên trọng tâm trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia.
- **Từ khóa:** thích ứng xã hội; chuyển đổi số quốc gia.

Social adaptation of citizens to the national digital transformation process (the practical experiences in Bac Ninh province)

- **Abstract:** In the process of digital transformation, citizens' awareness and attitudes toward the Party's guideline on digital transformation play a decisive role in effective adaptation. A survey of 364 citizens in Bac Ninh province regarding their understanding and perspectives on digital transformation revealed that their awareness of digital technologies remains limited. Therefore, strengthening communication, enhancing digital literacy, and supporting vulnerable groups should be considered key priorities in the national digital transformation process.
- **Keywords:** social adaptation; national digital transformation.

1. Mở đầu

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số đang trở thành xu thế tất yếu, tạo ra những biến đổi sâu sắc trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Ở Việt Nam, chuyển đổi số bắt đầu được thảo luận rộng rãi từ năm 2018, khi Chính phủ xác định đây là một trong những định

hướng chiến lược quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững. Dù có nhiều cách tiếp cận, song chuyển đổi số có thể hiểu là quá trình tái cấu trúc toàn diện phương thức vận hành của xã hội - từ sản xuất, quản lý, kinh doanh đến lối sống và hành vi xã hội - trên nền tảng công nghệ số và dữ liệu số⁽¹⁾.

Tiến trình này không chỉ đòi hỏi sự đổi mới mạnh mẽ trong quản trị xã hội mà còn đặt ra yêu cầu tăng cường năng lực thích ứng xã hội của người dân nhằm bảo đảm các nhóm dân cư đều có khả năng tiếp cận và hưởng lợi từ những thành tựu số hóa. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu về thích ứng xã hội của người dân, đặc biệt tại các địa phương đang phát triển mạnh như tỉnh Bắc Ninh có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn, góp phần thực hiện thành công mục tiêu chuyển đổi số quốc gia.

2. Nội dung

2.1. Thích ứng của người dân tỉnh Bắc Ninh đối với quá trình chuyển đổi số quốc gia

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ, việc nâng cao năng lực thích ứng xã hội của người dân được xác định là một yêu cầu tất yếu nhằm bảo đảm thực hiện thành công mục tiêu phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27-9-2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đặt nền tảng cho việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên phạm vi toàn quốc. Gần đây, Bộ Chính trị tiếp tục ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22-12-2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, khẳng định sự kiên định chiến lược của Đảng và Nhà nước ta trong thúc đẩy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã cụ thể hóa thành các chiến lược,

chương trình như Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3-6-2020 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31-12-2020 về Chiến lược quốc gia phát triển Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030.

Trên phương diện địa phương, tỉnh Bắc Ninh đã sớm quán triệt tinh thần trên trong các văn kiện và chương trình phát triển. Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh nhiệm kỳ 2020 - 2025 nhấn mạnh nhiệm vụ tiếp tục xây dựng

chính quyền điện tử, tỉnh thông minh bảo đảm thiết thực, hiệu quả và coi việc nắm bắt cơ hội Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, ứng dụng khoa học - công nghệ, nâng cao chất lượng quản lý, điều hành phù hợp với quá trình chuyển đổi số,

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ, việc nâng cao năng lực thích ứng xã hội của người dân được xác định là một yêu cầu tất yếu nhằm bảo đảm thực hiện thành công mục tiêu phát triển nhanh và bền vững của đất nước.

quản trị điện tử, đô thị thông minh là một trong ba giải pháp đột phá của nhiệm kỳ. Đồng thời, xác định nâng cao năng lực tiếp cận và thích ứng với yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là nhiệm vụ trọng tâm trong lĩnh vực văn hóa - xã hội.

Để hiện thực hóa các mục tiêu nêu trên, Bắc Ninh đã ban hành nhiều chính sách và đề án. Tiêu biểu là Nghị quyết số 52-NQ/TU ngày 18-3-2022 về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, với ba trụ cột: chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 313/KH-UBND ngày 8-6-2022, nhấn mạnh vai trò của cộng đồng, sự nâng cao nhận thức, kỹ năng số và sự

tham gia tích cực của người dân trong toàn bộ tiến trình chuyển đổi số của tỉnh.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy năng lực thích ứng của người dân và các chủ thể xã hội đối với quá trình chuyển đổi số vẫn còn nhiều hạn chế. Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến còn thấp, phản ánh mức độ đáp ứng của chính quyền số chưa đạt kỳ vọng. Theo Báo cáo Chỉ số Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh năm 2023 (PAPI), Bắc Ninh chỉ đạt 41,7754/100 điểm và xếp nhóm trung bình; trong đó nội dung “quản trị điện tử” đạt 3,53/10 điểm, mức tương đối thấp⁽²⁾. Đây là dấu hiệu cho thấy yêu cầu cần nghiên cứu sâu hơn năng lực thích ứng xã hội của người dân trong tiến trình chuyển đổi số để có các giải pháp phù hợp và khả thi hơn trong thời gian tới.

Trên cơ sở khảo sát 364 người dân tại 4 xã, phường của tỉnh Bắc Ninh (phường Kinh Bắc, xã Tiên Du, phường Việt Yên, xã Lục Ngạn) nửa đầu năm 2025⁽³⁾, kết quả nghiên cứu cho thấy bức tranh tương đối toàn diện về nhận thức, thái độ và các rào cản mà người dân gặp phải trong quá trình tham gia chuyển đổi số của địa phương.

Nhận thức của người dân về chuyển đổi số

Nhận thức và hiểu biết của người dân về chức năng, tiện ích cũng như vai trò của các công nghệ, nền tảng và ứng dụng số là yếu tố có ý nghĩa quyết định đến khả năng thích ứng của họ trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay. Quá trình chuyển đổi số quốc gia chỉ có thể đạt hiệu quả khi người dân có khả năng tiếp cận, sử dụng và thích ứng với các nền tảng, công nghệ và dịch vụ số.

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hiểu biết chung về công nghệ số của người dân còn hạn chế, với điểm trung bình chỉ đạt 5,06/10. Những công nghệ có mức độ nhận biết cao nhất

chủ yếu là các ứng dụng phổ biến trong đời sống, như điện thoại thông minh (6,26 điểm), mạng xã hội (6,25 điểm) và máy vi tính (6,13 điểm). Trong khi đó, nhiều nền tảng số được khuyến khích sử dụng trong quản lý nhà nước lại có mức độ nhận biết thấp hơn, như Google Maps (5,96 điểm), căn cước công dân gắn chip (5,95 điểm) và Internet Banking (5,92 điểm).

Một số ứng dụng quan trọng gắn với quyền lợi công dân có điểm nhận biết thấp dưới mức trung bình, đáng chú ý là hộ chiếu điện tử (4,76 điểm) và hệ thống dịch vụ công trực tuyến, như Cổng dịch vụ công tỉnh Bắc Ninh (4,47 điểm), Cổng dịch vụ công quốc gia (4,24 điểm), Cổng dịch vụ công Bộ Công an (4,19 điểm). Đặc biệt, mức độ nhận biết về ứng dụng định danh điện tử VN-eID chỉ đạt 5,62 điểm, nhiều người phản ánh các lỗi kỹ thuật như sai thông tin cư trú, dữ liệu không đồng bộ, chưa tích hợp đủ giấy tờ, gây khó khăn trong các hoạt động hành chính - một yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến niềm tin và mức độ sẵn sàng sử dụng của người dân⁽⁴⁾.

Đối với các ứng dụng số được thiết kế riêng cho tỉnh Bắc Ninh trong khuôn khổ phát triển “tỉnh thông minh”, mức độ nhận biết cũng ở mức thấp, điển hình như ứng dụng “Quản lý phản ánh, kiến nghị” (4,51 điểm) hay “Bắc Ninh Tourism” (4,47 điểm). Điều này cho thấy khoảng cách đáng kể giữa thiết kế chính sách và hiệu quả lan tỏa tới cộng đồng.

Ảnh hưởng của điều kiện kinh tế - xã hội tới mức độ nhận thức của người dân

Để kiểm tra mối quan hệ giữa nhận thức và điều kiện kinh tế, nhóm nghiên cứu tiến hành phân tích One-Way ANOVA, nhằm so sánh mức độ hiểu biết về việc sử dụng *điện thoại thông minh có kết nối Internet/Wifi* - loại công nghệ có điểm trung bình cao nhất với *mức thu nhập bình quân hằng tháng* của người dân tỉnh Bắc Ninh.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, có sự khác biệt về mức độ hiểu biết và nhận thức về tính năng, tiện ích của điện thoại thông minh có kết nối Internet/Wifi giữa các nhóm dân cư có mức thu nhập hằng tháng khác nhau tại tỉnh Bắc Ninh. Nhóm cư dân có thu nhập đủ chi tiêu và có dư (4,127), hoặc vừa đủ chi tiêu (4,114), hay thỉnh thoảng thiếu hụt thể hiện mức độ hiểu biết về công nghệ này cao hơn đáng kể so với nhóm không đủ chi tiêu hàng tháng (3,627). Điều này cho thấy yếu tố kinh tế - thu nhập có ảnh hưởng đáng kể đến nhận thức và hiểu biết của người dân đối với tiến trình chuyển đổi số nói chung, cũng như đối với việc khai thác các công nghệ số cơ bản nói riêng.

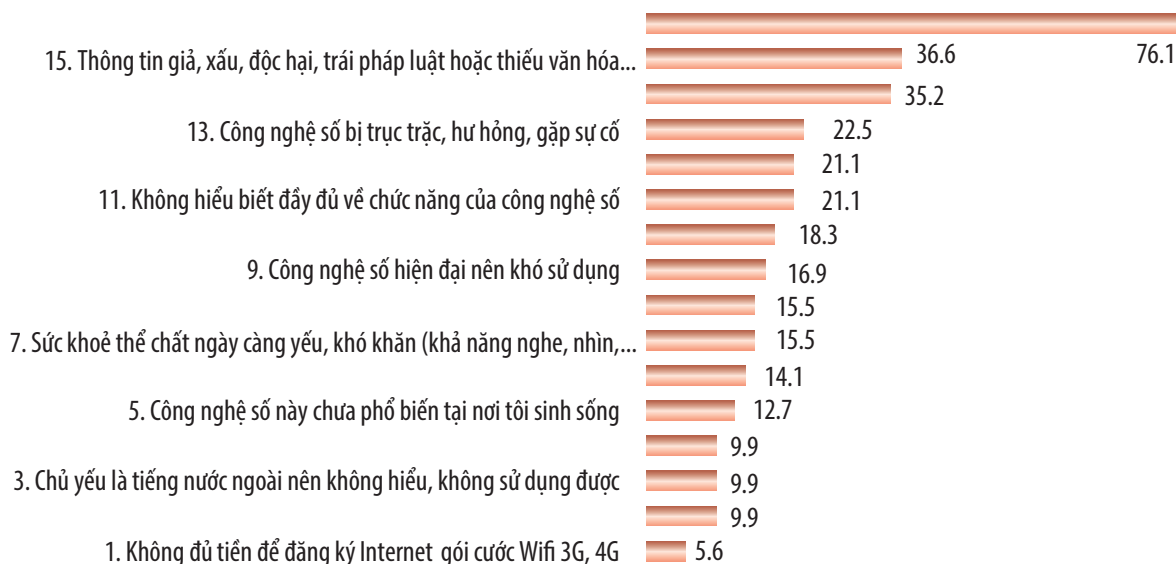
Trong số 364 người dân được khảo sát, có 9,9% có mức thu nhập dưới 3 triệu đồng/tháng (theo chuẩn nghèo đa chiều tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021 - 2025) và 29,7% cho biết thu nhập

không đủ chi tiêu hằng tháng. Những số liệu này phản ánh rằng thu nhập là yếu tố có ảnh hưởng lớn đến khả năng tiếp cận, học hỏi và thích ứng với các công nghệ số. Do đó, nếu không có chính sách hỗ trợ phù hợp, nguy cơ hình thành “bất bình đẳng số” giữa các nhóm xã hội là rất rõ rệt. Vì vậy, để nâng cao năng lực tiếp cận và khai thác hiệu quả các tiện ích số, việc hỗ trợ nhóm cư dân có thu nhập thấp, bấp bênh hoặc thuộc diện yếu thế cần được đặt trong tổng thể chương trình phát triển tỉnh thông minh và chuyển đổi số trên ba trụ cột: kinh tế số, chính quyền số và xã hội số.

Ngoài yếu tố thu nhập, người dân tỉnh Bắc Ninh gặp phải nhiều rào cản đa chiều khi sử dụng công nghệ số, bao gồm: Lo ngại về bảo mật thông tin và lừa đảo trực tuyến (76,1%); tiếp xúc với thông tin xấu độc, giả mạo (36,6%); trục trặc công nghệ (22,5%); thiếu

Biểu đồ 1: Ý kiến về khó khăn, rào cản của người dân khi tiếp cận, sử dụng một số loại công nghệ số

Đơn vị: (%)



Nguồn: Số liệu phân tích từ điều tra khảo sát

hiểu biết về tính năng (21,1%); khó khăn liên quan đến điều kiện kinh tế (21,1%); chất lượng Internet/Wifi kém (18,3%); rào cản sức khỏe thể chất (15,5%).

Ngoài các yếu tố kỹ thuật và kinh tế, nghiên cứu chỉ ra tác động tiêu cực từ yếu tố văn hóa - xã hội. Có 35,2% người dân cho biết họ không nhận được sự ủng hộ từ các thành viên gia đình khi sử dụng ứng dụng số, trong khi 15,5% không nhận được bất kỳ trợ giúp nào khi gặp khó khăn kỹ thuật. Đối với nhóm yếu thế như phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người có thu nhập thấp, rào cản này càng lớn hơn, làm gia tăng nguy cơ bị “bỏ lại phía sau” trong tiến trình chuyển đổi số.

Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra tác động đáng kể của sự hỗ trợ từ gia đình và cộng đồng đối với khả năng tiếp cận và sử dụng công nghệ số của người dân tỉnh Bắc Ninh. Có 35,2% người

được khảo sát cho biết họ gặp phải sự phản đối hoặc thiếu ủng hộ từ các thành viên trong gia đình, trong khi 15,5% cho rằng không nhận được bất kỳ sự giúp đỡ nào khi cần hỗ trợ kỹ thuật hoặc hướng dẫn sử dụng. Những rào cản mang tính xã hội này trở nên đặc biệt nghiêm trọng đối với nhóm yếu thế - bao gồm người cao tuổi, phụ nữ, người khuyết tật và người có hoàn cảnh kinh tế khó khăn - vốn có ít cơ hội tiếp cận và thụ hưởng các thành quả của tiến trình chuyển đổi số.

Xét theo giới tính, kết quả nghiên cứu cho thấy nữ giới (60%) gặp khó khăn trong việc hiểu rõ các tính năng của công nghệ số nhiều hơn so với nam giới (40%). Đồng thời, nữ giới cũng thể hiện mức độ lo ngại cao hơn đối với các vấn đề an toàn thông tin và lừa đảo trực tuyến (51,9%), cũng như sự lan truyền của thông tin xấu, độc, sai lệch (57,7%) so với nhóm nam (tương ứng 48,1% và 42,3%). Tuy nhiên, đối với các rào cản mang tính kinh tế - tài chính, như khó khăn trong việc chi trả chi phí Internet/Wifi hoặc áp lực mưu sinh, tỷ lệ giữa hai giới gần như tương đồng (50%).

Xét theo độ tuổi, những người sinh trước năm 1990 cho thấy mức độ gặp khó khăn cao hơn trong hiểu biết chức năng công nghệ (53,3%), hạn chế về thể chất (63,6%) và thiếu người hướng dẫn sử dụng (63,6%) so với nhóm trẻ hơn (sinh sau 1991). Nhóm lớn tuổi cũng thể hiện sự lo ngại nhiều hơn trước các nguy cơ lừa đảo, xâm phạm bảo mật (51,9%) và thông tin độc hại, tin giả trên internet (57,7%). Đặc biệt, nhóm trung niên và cao niên gặp trở ngại rõ rệt hơn với thiết kế kỹ thuật của ứng dụng số, như giao diện phức tạp, màu sắc và cỡ chữ không phù hợp (71,4%), hoặc ngôn ngữ chủ yếu là tiếng nước ngoài (71,4%), trong khi tỷ lệ này ở nhóm trẻ thấp hơn đáng kể.

Những kết quả trên cho thấy, nếu không có chính sách hỗ trợ phù hợp, nguy cơ hình thành “bất bình đẳng số” và “khoảng cách số” giữa các nhóm xã hội sẽ ngày càng rõ nét, tạo

Dù còn nhiều khó khăn, phần lớn người dân vẫn đánh giá tích cực về lợi ích của chuyển đổi số. Kết quả khảo sát cho thấy, các cảm nhận tích cực về vai trò và tác động của chuyển đổi số chiếm ưu thế rõ rệt, với các tỷ lệ cao lần lượt là: “thuận tiện hơn” (95,5%), “vui vẻ hơn” (90,9%), “hài lòng hơn” (89,9%) và “nhiều hy vọng hơn” (73,9%). Các cảm nhận tiêu cực hoặc bi quan về quá trình chuyển đổi số và lợi ích của công nghệ số vẫn tồn tại, song chỉ chiếm tỷ lệ thấp (dưới 25,0%).

nên “gánh nặng kép” cho các nhóm yếu thế. Điều này đặt ra thách thức lớn đối với mục tiêu phát triển bao trùm và triết lý “lấy người dân làm trung tâm của quá trình chuyển đổi số” - một nguyên tắc được thể hiện nhất quán trong các chủ trương và chính sách chuyển đổi số ở Việt Nam.

Thái độ của người dân đối với quá trình chuyển đổi số

Dù còn nhiều khó khăn, phần lớn người dân vẫn đánh giá tích cực về lợi ích của chuyển đổi số. Kết quả khảo sát cho thấy, các cảm nhận tích cực về vai trò và tác động của chuyển đổi số chiếm ưu thế rõ rệt, với các tỷ lệ cao lần lượt là: “thuận tiện hơn” (95,5%), “vui vẻ hơn” (90,9%), “hài lòng hơn” (89,9%) và “nhiều hy vọng hơn” (73,9%). Các cảm nhận tiêu cực hoặc bi quan về quá trình chuyển đổi số và lợi ích của công nghệ số vẫn tồn tại, song chỉ chiếm tỷ lệ thấp (dưới 25,0%). Kết quả này góp phần lý giải xu hướng gia tăng mạnh mẽ trong mức độ tiếp cận và sử dụng công nghệ số tại Việt Nam, với 156 triệu thuê bao di động (158,3% dân số), 72,1 triệu người dùng Internet (73,2%) và 76,95 triệu người dùng mạng xã hội (78,1%)⁽⁵⁾.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy người dân Bắc Ninh ủng hộ mạnh mẽ việc ứng dụng công nghệ số vào giáo dục - học tập; dịch vụ công, góp ý chính sách, kinh doanh - lao động; chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần; các hoạt động gia đình và quan hệ xã hội. Đáng chú ý, lĩnh vực giáo dục nhận được sự ủng hộ cao nhất nhờ tác động rõ rệt trong giai đoạn đại dịch Covid-19, khi hơn 20 triệu học sinh và gần 2 triệu nhà giáo chuyển sang dạy và học trực tuyến⁽⁶⁾.

2.2. Một số hàm ý chính sách

Thứ nhất, xây dựng “Bộ chỉ số thích ứng chuyển đổi số dành cho người dân và doanh nghiệp địa phương”

Mặc dù tỉnh Bắc Ninh đã ban hành Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số cho sở, ngành và địa phương tại Quyết định số 1187/QĐ-UBND ngày 06-10-2023, bộ công cụ này chủ yếu phục vụ đánh giá phía cung ứng quản lý. Do đó, cần nghiên cứu, thiết kế một bộ chỉ số chuyên biệt hoặc lồng ghép chỉ tiêu đánh giá khả năng thích ứng, tiếp cận và khai thác chuyển đổi số của người dân, các nhóm yếu thế và doanh nghiệp nhỏ, được cập nhật hàng năm để làm cơ sở điều chỉnh chính sách, phân bổ nguồn lực và giám sát tác động xã hội.

Thứ hai, ưu tiên nguồn lực triển khai đồng bộ các chương trình chuyển đổi số giai đoạn tới năm 2030

Tỉnh Bắc Ninh cần đẩy nhanh triển khai Đề án đô thị thông minh, chương trình an toàn thông tin, phát triển nền tảng số và kho dữ liệu dùng chung trên ba trụ cột: kinh tế số, chính quyền số và xã hội số. Đồng thời, tăng cường truyền thông, tối ưu hóa giao diện và trải nghiệm người dùng của các ứng dụng tỉnh thiết kế (ví dụ nền tảng dịch vụ công, thông tin đô thị, du lịch địa phương) để dễ tiếp cận cho mọi nhóm dân cư.

Thứ ba, nâng cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng thân thiện với người dùng

Tăng cường năng lực “một cửa điện tử” (một phần và toàn trình), tích hợp xác thực bằng tài khoản định danh (VNeID), đồng thời đơn giản hóa quy trình, giao diện và hỗ trợ song song bằng kênh trực tiếp cho nhóm không quen dùng nền tảng số. Việc hỗ trợ người dân kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh và VssID tại địa phương cần được thực hiện thường xuyên bằng chiến dịch tại cộng đồng.

Thứ tư, chính sách hỗ trợ tiếp cận thiết bị và kết nối cho nhóm thu nhập thấp

Xây dựng chương trình hỗ trợ thiết bị (smartphone) và băng thông cho hộ nghèo, hộ

cận nghèo và nhóm thu nhập thấp, kết hợp nguồn lực ngân sách địa phương và các chương trình mục tiêu quốc gia nhằm giảm rào cản chi phí tiếp cận. Song song đó, tích hợp tiêu chí “khả năng tiếp cận thông tin” vào các chương trình giảm nghèo và chính sách an sinh hiện hành.

Thứ năm, đào tạo, truyền thông tại chỗ và huy động nguồn lực xã hội

Tổ chức mạng lưới tập huấn tại cộng đồng, lồng ghép đào tạo kỹ năng số và an toàn mạng vào các chương trình của đoàn thể, hội, trường học và hoạt động tình nguyện; phổ biến bằng ngôn ngữ, phương thức phù hợp với người già, dân tộc thiểu số và lao động phổ thông. Đồng thời, kết nối với các viện, trường và doanh nghiệp công nghệ để tận dụng nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu phát triển các giải pháp công nghệ thân thiện, dễ sử dụng cho địa phương.

3. Kết luận

Thông qua nghiên cứu cắt ngang và khảo sát xã hội học đối với 364 người dân tỉnh Bắc Ninh, kết quả cho thấy mức độ hiểu biết và khả năng khai thác các tính năng của công nghệ số cơ bản của người dân còn hạn chế. Tuy nhiên, người dân lại thể hiện sự cảm nhận tích cực, khách quan và toàn diện về những thay đổi mang tính cải thiện rõ rệt trong đời sống xã hội mà quá trình chuyển đổi số và xây dựng tỉnh thông minh mang lại.

Kết quả này hàm ý sự đồng thuận và ủng hộ cao của người dân đối với chủ trương, chính sách chuyển đổi số, đồng thời phản ánh kỳ vọng lớn vào các giải pháp đồng bộ nhằm sớm hiện thực hóa mục tiêu xây dựng xã hội số, xã hội thông minh và đổi mới sáng tạo. Điều đó cũng gợi mở rằng, nếu được quan tâm và triển khai nhất quán, các chính sách chuyển đổi số

sẽ tăng cường sự tham gia và cộng hưởng xã hội, qua đó nâng cao năng lực thích ứng của người dân trên các trụ cột kinh tế, chính trị - hành chính và xã hội, phù hợp với định hướng phát triển của Đảng và Nhà nước □

Ngày nhận bài: 21-10-2025;

Ngày bình duyệt: 20-12-2025;

Ngày duyệt đăng: 22-12-2025.

Email tác giả: tuyetxahoihoc@gmail.com

(1) Xem: Bộ Thông tin và Truyền thông: *Cẩm nang chuyển đổi số* (tái bản có chỉnh sửa, cập nhật, bổ sung), Nxb Thông tin và Truyền thông, 2021; Hồ Tú Bảo, Nguyễn Huy Dung và Nguyễn Nhật Quang: *Hỏi đáp về chuyển đổi số*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2020.

(2) Trung tâm Nghiên cứu phát triển và Hỗ trợ cộng đồng, Công ty Phân tích Thời gian thực và UNDP Việt Nam (CECODES, RTA, & UNDP): *Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam: Đo lường từ kinh nghiệm thực tiễn của người dân*, năm 2023.

(3) Điều tra khảo sát thuộc đề tài nghiên cứu cấp tỉnh: “Nghiên cứu đề xuất giải pháp cải thiện khả năng thích ứng xã hội của người dân tỉnh Bắc Ninh đối với quá trình chuyển đổi số quốc gia”, năm 2025, Tỉnh ủy Bắc Ninh là cơ quan chủ trì.

(4) Chí Thạch: “Người dân gặp khó khăn khi sử dụng VneID”, Báo Sài Gòn giải phóng online, <https://www.sggp.org.vn/nguoi-dan-gap-kho-khan-khi-su-dung-vneid-post701267.html>

(5) We Are Social, & Kepios: *Digital 2022 (Việt Nam)*.

(6) Lê Thị Mai Hoa: “Dạy học trực tuyến để ứng phó với dịch Covid-19”, *Tạp chí Tuyên giáo điện tử*, <https://tuyengiao.vn>.